TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2024/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 19 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, về việc *"Xin ly hôn"* đối với:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Minh T – sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Số B, ngách C, đường M, tổ A, phường M, quận N, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1 – sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số D, ngõ Đ, tổ H, phường M, quận N, Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lưu Thị Minh T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/9/2008 và Nguyễn Lưu Gia B, sinh ngày 15/3/2016. Ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Lưu Gia B; Anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thành L. Không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1, chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung vợ chồng:* Không có tài sản chung vợ chồng.

- *Về công nợ chung vợ chồng:* Không có.

- *Về án, lệ phí ly hôn:* Chị T tự nguyện chịu và nộp cả 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn)* chị đã nộp tạm ứng tại biên lai số: 0009271 ngày 08/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, nay chuyển thành án phí. Chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- VKSND quận Nam Từ Liêm.
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm
- TAND thành phố Hà Nội.
- UBND phường Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Số 34; Quyển số: 01/2008.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhâm